



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.25.02929

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : L-MET 100 (L-METHIONINE)
Số lượng/ khối lượng : 3.600 bao/ 90.000 kg
Ngày sản xuất : 06/6/2025; 08/6/2025.
Hãng, nước sản xuất : CJ Bio Malaysia Sdn Bhd, Malaysia.
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : CJ-ATP300425 ngày 29/4/2025
Hóa đơn số : 1003334444 ngày 20/6/2025
Vận đơn số : EGLV091500265521
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : Số 4506/HQ-GDK-TTKN ngày 23/6/2025
(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250036681)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH DINH DƯỠNG THIẾT YẾU AN THỊNH PHÁT**
Địa chỉ: Khu 4, Ấp 8, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT.
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Quyết định chứng nhận
Số: 1581 /QĐ-TTKN
Ngày 15 tháng 7 năm 2025



Lê Văn Yên



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 8275/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address ⁽¹⁾ : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Nguyễn Thế LinhMô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 23012507286

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 04/07/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 04/07/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
0725059/HQV2	Asen (As) vô cơ (**)	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 07/07/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH

1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)

Doanh nghiệp/ ngày mã hoá	Mã mẫu	Quy chuẩn áp dụng	Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích		Ghi chú
			Tên sản phẩm	Chỉ tiêu phân tích	
Công ty TNHH Dinh dưỡng Thiết yếu An Thịnh Phát 03/7/2025	0725057/ HQV2	Số thứ tự 3, Mục IV phụ lục I QCVN 01- 190:2019/BNNPT NT Sửa đổi 1:2021 QCVN 01- 190:2020/BNNPT NT	DFM (Dried Food Meal)	As tổng số (mg/ kg) Pb (mg/ kg) <i>E. coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/25 g)	BNNPTNT2 9250036507
	0725058/ HQV2	Mục 2.1 bảng 1 QCVN 02-31- 2:2019/BNNPTNT	L-Met 100 (L- Methionine)	As vô cơ (mg/kg) Pb (mg/kg) Hg (mg/ kg) Cd (mg/kg) <i>E. coli</i> (CFU/g) <i>Salmonella</i> (CFU/ 25 g)	BNNPTNT2 9250036453
	0725059/ HQV2		L-Met 100 (L- Methionine)		BNNPTNT2 9250036681
	0725060/ HQV2		L-Arginine		BNNPTNT2 9250036233
	0725061/ HQV2		L-Arginine		BNNPTNT2 9250036906

Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Nguyễn Thế Linh

2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm

Người thực hiện	Đơn vị	Thời gian (ghi rõ.... giờ, ngày.../.../...)	Phòng thí nghiệm được lựa chọn	Ghi chú
Nguyễn Thế Linh	Trung tâm Vùng II	17h30 ngày 03/7/2025	ASTAC	